

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
Lớp: Quản trị nhà hàng D									
1	2122270117	Lê Thị Cẩm	Tú	Nữ	18/01/2004	Đồng Tháp	95	7,03	Khá
2	2123270123	Phan Bá	Mạnh	Nam	21/05/2005	Đồng Nai	90	7,46	Khá
3	2123270116	Nguyễn Trang	Nhung	Nữ	15/02/2005	Gia Lai	90	7,55	Khá
4	2123270117	Trịnh Dương Hoàng	Tâm	Nam	06/01/2005	Tây Ninh	90	7,49	Khá
5	2123270114	Nguyễn Thị Kiều	Trâm	Nữ	21/08/2005	Quảng Ngãi	90	7,31	Khá
6	2123270131	Dương Văn	Vũ	Nam	15/09/2005	Lâm Đồng	90	7,31	Khá
Lớp: Quản trị nhà hàng E									
1	2119270150	Nguyễn Thị Tiểu	Mi	Nữ	22/08/2001	Quảng Ngãi	82	7,48	Khá
2	2123270173	Nguyễn Thị Mỹ	Hoài	Nữ	03/08/2005	Gia Lai	90	7,37	Khá
3	2123270153	Lê Thị Thanh	Ngân	Nữ	14/05/2005	Đắk Lắk	90	7,69	Khá
4	2123270161	Bùi Thị Hồng	Nguyên	Nữ	21/11/2005	Tây Ninh	90	7,82	Khá
5	2123270168	Nguyễn Nhựt Thiên	Thanh	Nữ	16/10/2005	Vĩnh Long	90	7,75	Khá
6	2123270160	Thượng Thị Hồng	Thảo	Nữ	12/05/2005	Tây Ninh	90	7,27	Khá
7	2123270158	Nguyễn Minh	Thư	Nữ	20/09/2005	Đồng Tháp	90	7,22	Khá
Kế toán									
Lớp: Kế toán A									
1	2122100035	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	24/04/2004	Lâm Đồng	95	7,34	Khá
2	2123100013	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Nữ	29/11/2004	Thanh phố Hồ Chí Minh	90	7,71	Khá
Lớp: Kế toán B									
1	2122100050	Trần Ngọc Kim	Chi	Nữ	25/11/2004	Vĩnh Long	95	7,06	Khá
2	2123100071	Nguyễn Thu	An	Nữ	08/06/2005	Khánh Hòa	90	8,00	Giỏi
3	2123100040	Đỗ Thị Kim	Loan	Nữ	25/10/2005	Lâm Đồng	90	7,35	Khá
4	2123100049	Hoàng Thị Phương	Loan	Nữ	06/07/2005	Đồng Nai	91	8,01	Khá
5	2123100067	Nguyễn Huỳnh Tâm	Như	Nữ	09/03/2005	Thanh phố Hồ Chí Minh	91	7,33	Khá
6	2123100070	Phạm Thị Kiều	Oanh	Nữ	08/11/2005	Thanh phố Hồ Chí Minh	91	7,17	Khá
7	2123100047	Vũ Thị Phương	Thủy	Nữ	28/10/2005	Đồng Nai	90	7,74	Khá
8	2123100042	Nguyễn Võ Tường	Vy	Nữ	16/04/2005	Thanh phố Hồ Chí Minh	90	6,76	Khá
Lớp: Kế toán C									
1	2123100298	Nguyễn Thị Trúc	Đào	Nữ	24/05/2005	Thanh phố Hồ Chí Minh	90	7,74	Khá
2	2123100099	Nguyễn Thu	Diệu	Nữ	25/09/2005	Ninh Bình	90	6,61	Khá
3	2123100257	Hồ Thị Ngọc	Dung	Nữ	10/06/2005	Thanh Hóa	90	8,35	Giỏi
4	2123100090	Lương Thị Thúy	Kiều	Nữ	05/10/2004	Đồng Nai	90	6,77	Khá
5	2123100076	Trần Thị Anh	Thư	Nữ	23/05/2005	Lâm Đồng	90	6,90	Khá
6	2123100106	Nguyễn Thị Kim	Thương	Nữ	16/02/2005	Đồng Nai	90	7,31	Khá
7	2123100101	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	08/02/2005	Lâm Đồng	90	7,68	Khá
8	2123100104	Trần Thị Diệu	Uyên	Nữ	02/03/2005	Lâm Đồng	90	7,68	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
Lớp: Kế toán Chất lượng cao									
1	2121102006	Đặng Hà	Xuyên	Nữ	13/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	95	7,25	Khá
2	2122100297	Lê Phan Tiểu	Phụng	Nữ	18/05/2004	Đồng Nai	95	5,97	Trung bình
3	2122100296	Nguyễn Lê Anh	Thư	Nữ	28/01/2004	Đồng Tháp	95	6,65	Khá
Lớp: Kế toán D									
1	2121100112	Trần Thị Kim	Vy	Nữ	18/07/2003	Lâm Đồng	95	7,04	Khá
2	2122100110	Lê Hồng	Mai	Nữ	07/12/2004	Đồng Tháp	95	7,38	Khá
3	2123100125	Võ Trương Thế Khả	Ái	Nữ	31/12/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	90	6,91	Khá
4	2123100130	Đỗ Thị Minh	Huyền	Nữ	26/11/2005	Đồng Tháp	90	7,51	Khá
5	2123100115	Trần Khánh	Linh	Nữ	20/01/2005	Đồng Nai	90	7,73	Khá
6	2123100126	Trần Thị Ngọc	Ngân	Nữ	04/06/2004	Thành phố Cần Thơ	90	7,78	Khá
7	2123100136	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	22/12/2005	Đồng Nai	91	7,20	Khá
8	2123100113	Nguyễn Lê Anh	Thư	Nữ	09/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	90	8,18	Giỏi
Lớp: Kế toán E									
1	2121100172	Vũ Hoàng Thiên	Lý	Nữ	22/06/2003	Lâm Đồng	95	6,64	Khá
2	2121100157	Lê Tạ Hoài	Phong	Nam	14/12/2003	Vĩnh Long	95	7,11	Khá
3	2121100169	Lê Thị Thúy	Vi	Nữ	16/10/2003	Đắk Lắk	95	6,78	Khá
4	2123100173	Phạm Trang	Anh	Nữ	04/11/2005	An Giang	90	7,07	Khá
5	2123100174	Thạch Thị Trúc	Đào	Nữ	20/10/2005	An Giang	91	7,29	Khá
6	2123100166	Trần Thị Kim	Hiếu	Nữ	31/07/2005	Gia Lai	90	6,78	Khá
7	2123100149	Huỳnh Thị Tuyết	Nghi	Nữ	20/09/2005	Đồng Tháp	90	6,94	Khá
Lớp: Kế toán F									
1	2121100189	Nguyễn Thị	Giang	Nữ	09/06/2003	Đồng Nai	95	6,52	Khá
2	2121100195	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	Nữ	23/11/2003	Đồng Nai	95	6,59	Khá
3	2122100188	Hứa Thị Kim	Anh	Nữ	15/04/2004	Khánh Hòa	95	5,94	Trung bình
4	2122100332	Hồ Thiên	Phúc	Nữ	06/04/2004	Đồng Nai	96	7,53	Khá
5	2123100208	Nguyễn Thị Thanh	Phương	Nữ	11/11/2005	Tây Ninh	90	8,10	Giỏi
6	2123100199	Trương Thị Mỹ	Tâm	Nữ	03/05/2005	Cà Mau	91	6,64	Khá
7	2123100196	Nguyễn Đoàn Phương	Uyên	Nữ	18/05/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	90	6,91	Khá
Lớp: Kế toán G									
1	2122100221	Phạm Thị Hoài	Thương	Nữ	14/10/2004	Đồng Nai	96	6,12	Trung bình
2	2123100219	Võ Thị Ngọc	Hồng	Nữ	16/02/2005	Quảng Ngãi	90	7,46	Khá
3	2123100224	Nguyễn Như	Ngọc	Nữ	20/06/2005	Đồng Nai	90	6,78	Khá
4	2123100233	Nguyễn Thị Thu	Nhiên	Nữ	29/05/2005	Lâm Đồng	91	7,30	Khá
5	2123100286	Lê Thị Kim	Phượng	Nữ	07/09/2005	Lâm Đồng	91	7,42	Khá
6	2123100243	Nguyễn Đỗ Anh	Thư	Nữ	19/03/2005	Lâm Đồng	90	7,86	Khá
7	2123100238	Lương Nguyễn Cẩm	Tiên	Nữ	20/07/2005	Tây Ninh	90	7,96	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
8	2123100235	Võ Thị Thùy	Trang	Nữ	06/01/2005	Đồng Nai	90	8,16	Giỏi
9	2123100225	Trần Thị Mỹ	Trình	Nữ	25/10/2005	Quảng Ngãi	91	7,19	Khá
10	2123100249	Nguyễn Thị Tường	Vy	Nữ	08/03/2005	Quảng Ngãi	90	7,72	Khá

Lớp: Kế toán H

1	2121100275	Tô Thị Cẩm	Tú	Nữ	13/12/2003	Quảng Ngãi	95	6,91	Khá
2	2122100267	Nguyễn Lê Quỳnh	Ánh	Nữ	11/10/2004	Hà Tĩnh	95	6,79	Khá
3	2123100291	Phạm Thị Ngọc	Ánh	Nữ	01/06/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	90	8,05	Giỏi
4	2123100275	Hoàng Thị Lệ	Hằng	Nữ	30/01/2005	Quảng Trị	90	8,31	Giỏi
5	2123100258	Châu Thị Thanh	Mai	Nữ	10/11/2005	Khánh Hòa	90	7,63	Khá
6	2123100272	Đinh Thị Dương	Ngọc	Nữ	15/03/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	90	8,20	Giỏi
7	2123100260	Trần Thị Ngọc	Nguyên	Nữ	15/03/2005	Đắk Lắk	91	7,02	Khá
8	2123100278	Nguyễn Minh	Thơ	Nữ	10/05/2005	Tây Ninh	91	7,75	Khá
9	2123100263	Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	30/09/2005	Tây Ninh	90	8,10	Giỏi
10	2123100265	Bùi Mỹ	Tiên	Nữ	28/01/2005	An Giang	90	7,59	Khá
11	2123100264	Nguyễn Ngọc	Trân	Nữ	03/06/2005	Tây Ninh	90	7,67	Khá
12	2123100294	Lê Thị Thùy	Trang	Nữ	19/06/2005	Đồng Tháp	90	7,62	Khá
13	2123100266	Nguyễn Thị	Tuyến	Nữ	19/05/2005	Nghệ An	91	7,46	Khá
14	2123100276	Nguyễn Thị Thảo	Vy	Nữ	29/10/2004	Gia Lai	90	7,46	Khá

Lớp: Kế toán J

1	2122100366	Phạm Huyền	Trâm	Nữ	26/11/2004	Hà Tĩnh	95	6,35	Khá
2	2122100351	Nguyễn Thị Thúy	Vy	Nữ	05/04/2004	Vĩnh Long	95	6,88	Khá

Logistics
Lớp: Logistics A

1	2123300033	Nguyễn Trân	Châu	Nữ	04/03/2005	Tây Ninh	91	7,56	Khá
2	2123300029	Trần Đức	Hoan	Nam	02/02/2005	Thành phố Cần Thơ	91	7,53	Khá
3	2123300027	Đặng Hoài Thiên	Kiều	Nữ	22/09/2004	Lâm Đồng	90	8,30	Giỏi
4	2123300031	Hoàng Thị Khánh	Ngân	Nữ	12/10/2005	Ninh Bình	90	8,30	Giỏi
5	2123300032	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	Nữ	14/08/2005	Vĩnh Long	90	7,41	Khá
6	2123300015	Trương Ngọc	Nhi	Nữ	02/07/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	91	6,76	Khá
7	2123300025	Hồ Thị Anh	Thư	Nữ	28/09/2005	Đắk Lắk	90	7,14	Khá
8	2123300035	Nguyễn Thuỳ	Trang	Nữ	15/06/2005	Gia Lai	91	7,07	Khá
9	2123300010	Phạm Thanh	Truyền	Nữ	29/09/2002	Gia Lai	90	7,04	Khá
10	2123300005	Nguyễn Ngọc Ánh	Vy	Nữ	03/09/2005	Lâm Đồng	90	6,65	Khá

Lớp: Logistics B

1	2123300060	Nguyễn Xuân	Hiệp	Nam	21/06/2005	Lâm Đồng	90	7,76	Khá
2	2123300071	Phạm Đức	Huy	Nam	01/01/2004	Đồng Tháp	91	7,12	Khá
3	2123300113	Nguyễn Thúy	Kiều	Nữ	09/01/2005	Gia Lai	90	7,71	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
4	2123300061	Võ Thị Ngọc	Lan	Nữ	11/01/2005	Gia Lai	90	7,99	Khá
5	2123300069	Huỳnh Thị Kim	Phương	Nữ	08/06/2005	Lâm Đồng	90	8,05	Giỏi
6	2123300039	Nguyễn Hoàng Nhật	Quang	Nam	12/12/2005	Lâm Đồng	91	7,29	Khá
7	2123300038	Muhamad	Saleh	Nam	01/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	90	8,05	Giỏi
8	2123300056	Phan Văn	Tuấn	Nam	12/06/2004	Gia Lai	90	7,48	Khá
9	2123300057	Châu Ngọc Nhã	Uyên	Nữ	14/11/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	90	7,90	Khá
10	2123300042	Trần Khả	Vy	Nữ	17/10/2005	Đồng Nai	91	7,46	Khá

Lớp: Logistics C

1	2123300072	Vũ Thành	Đạt	Nam	29/06/2005	Đồng Nai	90	7,50	Khá
2	2123300091	Vũ Hồng	Đức	Nam	12/09/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	90	8,10	Giỏi
3	2123300079	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	07/07/2005	Đắk Lắk	90	7,45	Khá
4	2123300084	Trần Ngọc Thanh	Hồng	Nữ	14/07/2005	Quảng Ngãi	90	7,72	Khá
5	2123300075	Nguyễn Thị	Hung	Nữ	09/04/2005	Gia Lai	90	7,64	Khá
6	2123300097	Nguyễn Thị Phương	Khánh	Nữ	09/03/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	90	7,86	Khá
7	2123300103	Võ Văn Bảo	Linh	Nam	27/11/2005	Lâm Đồng	90	7,20	Khá
8	2123300104	Nguyễn Thị Lan	Thanh	Nữ	06/10/2005	An Giang	90	7,57	Khá
9	2123300076	Nguyễn Thị Anh	Thơ	Nữ	15/07/2005	Gia Lai	90	6,80	Khá
10	2123300074	Nguyễn Thị Minh	Thuận	Nữ	15/05/2005	Gia Lai	90	7,64	Khá
11	2123300088	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	Nữ	18/10/2005	Lâm Đồng	90	7,70	Khá

Lớp: Logistics D

1	2123300117	Trần Thị Linh	Đoan	Nữ	13/12/2005	Đắk Lắk	90	7,33	Khá
2	2123300115	Lê Thanh	Hậu	Nam	06/12/2005	Tây Ninh	90	7,75	Khá
3	2123300132	Nguyễn Trọng	Lưu	Nam	10/09/2005	Gia Lai	90	7,92	Khá
4	2123300128	Ngô Thị Gia	Mẫn	Nữ	08/03/2004	Lâm Đồng	92	6,98	Khá
5	2123300125	Phạm Thị	Phương	Nữ	21/03/2005	Đắk Lắk	90	7,54	Khá
6	2123300134	Vũ Thanh	Sang	Nam	10/11/2003	Đồng Nai	90	6,68	Khá
7	2123300114	Huỳnh Tiến	Thịnh	Nam	22/06/2005	Khánh Hòa	90	7,35	Khá
8	2123300110	Huỳnh Thị Thủy	Tiên	Nữ	21/10/2005	Lâm Đồng	90	8,21	Giỏi

Tài chính - Ngân hàng

Lớp: Tài chính - Ngân hàng A

1	2121190019	Trần Nguyễn Thanh	Quang	Nam	03/02/2003	Quảng Ngãi	95	6,33	Khá
2	2122190006	Trần Thị Thúy	Ngọc	Nữ	05/03/2004	Gia Lai	95	7,79	Khá
3	2123190119	Bùi Thị Hồng	Nhuận	Nữ	29/12/2003	Cà Mau	90	8,64	Khá
4	2123190023	Sư Thị Kim	Tiên	Nữ	27/10/2005	Khánh Hòa	90	7,60	Khá
5	2123190024	Ngô Thị	Trà	Nữ	19/11/2005	Nghệ An	90	6,74	Khá

Lớp: Tài chính - Ngân hàng B

1	2122190065	Phạm Hồng Duy	Hải	Nam	04/01/2000	Lâm Đồng	96	7,41	Khá
---	------------	---------------	-----	-----	------------	----------	----	------	-----

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
2	2122190040	Phạm Thị	Trâm	Nữ	03/08/2004	Lâm Đồng	95	6,52	Khá
3	2122190053	Nguyễn Phạm Hồng Hạ	Uyên	Nữ	17/11/2004	Lâm Đồng	96	6,89	Khá
4	2123190120	Huỳnh Nguyễn Thảo	Ngân	Nữ	20/10/2004	Đồng Tháp	90	8,62	Giỏi
5	2123190036	Phạm Thị Tuyết	Ngân	Nữ	25/08/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	90	6,98	Khá
6	2123190069	Phạm Yến	Nhi	Nữ	02/12/2004	Gia Lai	90	7,17	Khá
7	2123190060	Bùi Thị Thảo	Sương	Nữ	17/08/2005	Đồng Tháp	90	7,65	Khá
8	2123190115	Nguyễn Lê Minh	Thư	Nữ	24/05/2005	Đồng Nai	90	6,48	Khá
9	2123190112	Lê Thị	Thương	Nữ	06/07/2005	Đồng Nai	90	6,80	Khá
10	2123190102	Nguyễn Hoài	Thương	Nữ	23/05/2005	Đồng Nai	90	6,75	Khá
11	2123190047	Đào Thị Thu	Thủy	Nữ	03/07/2005	Lâm Đồng	90	7,52	Khá
12	2123190111	Nguyễn Thanh	Thủy	Nữ	06/11/2005	Đồng Nai	90	6,93	Khá
13	2123190050	Nguyễn Lê Ánh	Trúc	Nữ	30/12/2005	Tây Ninh	90	7,00	Khá

Lớp: Tài chính - Ngân hàng C

1	2122190098	Trương Văn	Tánh	Nam	31/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	96	6,45	Khá
2	2122190095	Trần Kiều	Trình	Nữ	21/12/2002	Cà Mau	95	7,24	Khá
3	2123190092	Trương Thị Hồng	Bích	Nữ	02/09/2005	Đồng Tháp	90	7,62	Khá
4	2123190107	Phan Thị Ngọc	Hân	Nữ	02/06/2005	Tây Ninh	90	7,37	Khá
5	2123190086	Nguyễn Tuấn	Khang	Nam	18/12/2005	Đồng Tháp	90	6,55	Khá
6	2123190079	Nguyễn Kim	Ngân	Nữ	26/08/2004	Thành phố Cần Thơ	90	6,42	Khá
7	2123190104	Võ Ngọc Cẩm	Tiên	Nữ	02/05/2005	Đồng Tháp	91	7,78	Khá
8	2123190089	Đoàn Thanh	Vy	Nữ	18/08/2005	Gia Lai	90	7,71	Khá
9	2123190073	Lê Thị Như	Ý	Nữ	22/07/2005	Gia Lai	90	7,02	Khá

Lớp: Tài chính - Ngân hàng CLC

1	2121190064	Trần Thảo	My	Nữ	22/01/2003	Đồng Nai	96	6,66	Khá
---	------------	-----------	----	----	------------	----------	----	------	-----

Lớp: Tài chính - Ngân hàng D

1	2121190139	Ngô Đức	Quân	Nam	07/08/2003	Đồng Nai	95	7,43	Khá
2	2122190162	Châu Nữ Yến	Ly	Nữ	30/08/2004	Khánh Hòa	95	6,71	Khá
3	2122190115	Trần Phước	Tây	Nam	17/09/1998	Đồng Nai	95	6,90	Khá

Tiếng Anh

Lớp: Tiếng Anh A

1	2121240011	Võ Thị Bích	Phượng	Nữ	25/02/2003	Gia Lai	95	6,18	Trung bình
2	2122240017	Trần Ngọc	Hân	Nữ	04/03/2004	Đồng Tháp	95	6,91	Khá
3	2122240025	Mai Ngọc Ý	Nhi	Nữ	19/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	95	7,23	Khá
4	2123240009	Bá Thị Mỹ	Dáng	Nữ	16/08/2000	Khánh Hòa	90	8,89	Giỏi
5	2123240010	Nguyễn Ngọc Phương	Như	Nữ	11/10/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	90	7,38	Khá
6	2123240006	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	Nữ	14/09/2003	Đắk Lắk	90	8,96	Giỏi

Lớp: Tiếng Anh B